

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/DS-PT
Ngày 14-5-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Bà Ngô Thị Bích Diệp
<i>Các Thẩm phán:</i>	Bà Lê Thị Kim Anh Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 125/2019/QĐPT-DS, ngày 22 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ thường trú: Số A, đường L, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đậu Đức N, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Số A, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 22/11/2017 và ngày 31/7/2018).

- *Bị đơn:* Ông Võ Hữu T (tên gọi khác Võ Hữu T), sinh năm 1953; địa chỉ thường trú: A, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: A, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 03/01/2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1959;
2. Bà Võ Phương T, sinh năm 1979;
3. Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1984;
4. Bà Võ Hữu T, sinh năm 1989;
5. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1975;

Cùng thường trú tại địa chỉ: A, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

6. Bà Nguyễn Thị Hồng Đ; địa chỉ: A, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

7. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đồ gỗ T; địa chỉ: A, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

8. Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu trung tâm hành chính thị xã D, tỉnh Bình Dương.

9. Ngân hàng T; địa chỉ: Số A, Trần Quang K, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Nguyễn Quang B, sinh năm 1966 và ông Bùi Đức L, sinh năm 1980; địa chỉ liên hệ: Số A, đường ĐT, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền 22/8/2018).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1967; địa chỉ: Số A, đường V, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Võ Thị T địa chỉ: Số A, đường N, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Phùng Quân H; địa chỉ: A, khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Võ Hữu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Năm 1997, bà Nguyễn Thị L nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Võ Hữu T, bà Nguyễn Thị P diện tích đất 172m² với giá chuyển nhượng 1.720.000 đồng. Thời điểm chuyển nhượng các bên có tiến hành lập biên bản về việc đo đạc, cắm mốc, ranh giới, xác minh nguồn gốc thửa đất vào ngày 15/11/1997. Việc đo đạc để bàn giao đất được thực hiện bằng hình thức đo kéo thước dây và vẽ sơ đồ thủ công. Trong biên bản có ông T và ông Phạm Huy T là hai hộ liên ranh ký xác nhận. Biên

bản thể hiện tứ cận: Bắc giáp Võ Hữu T 22,8m – 24,3m; Nam giáp Phạm Huy T 46m; Đông giáp Võ Hữu T (không ghi diện tích cạnh đất); Tây giáp đường vào nhà máy xe lửa D 5m; tổng diện tích chuyển nhượng 172m². Đến năm 1998, bà L tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với vợ chồng ông T, để hoàn tất các thủ tục tách thửa xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hợp đồng được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) chứng thực vào ngày 17/6/1998. Hợp đồng thể hiện diện tích đất chuyển nhượng có tứ cận: Bắc giáp Võ Hữu T 22,7m; Nam giáp Phạm Huy T 46,2m; Đông giáp Võ Hữu T 24,3m; Tây giáp đường D 5m. Ngày 29/6/1998, bà L được Ủy ban nhân dân huyện T(cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD) số 1687 QSDĐ/CQTĐH đối với diện tích đất 172m² thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 11 tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương (cũ).

Sau khi nhận đất, bà L xây dựng nhà ở nhưng không xây dựng hết đất, chỉ xây dựng chiều ngang mặt trước khoảng 4,8m; mặt sau ngang 4m. Ranh đất giáp nhà ông T và ông T từ giữa đến cuối đất mỗi bên bà L để trống khoảng 20cm làm cửa sổ. Sau khi xây nhà ở được một thời gian thì bà L có xây bức tường phần cuối đất. Từ khi xây dựng nhà ở bà L sử dụng ổn định đến nay, không sửa gì thêm nên ranh đất của bà không thay đổi. Thời điểm bà L xây dựng nhà ở đã có nhà của ông T và ông T.

Sau này, khi ông T sửa nhà bà L đã phát hiện ông T xây lấn sang phần đất mà bà L để trống giáp ranh đất bị đơn. Bà L đã nhiều lần nhắc nhở nhưng phía gia đình ông T vẫn cố tình lấn chiếm. Vì vậy, bà L đã nhiều lần làm đơn khởi kiện ra Tòa nhưng sau đó nghĩ tình làng nghĩa xóm nên rút đơn về để thương lượng với gia đình ông T nhưng không có kết quả. Theo đơn khởi kiện, bà L tranh chấp diện tích khoảng 40m². Sau khi đo đạc thể hiện diện tích đất tranh chấp là 12,2m². Vì vậy, bà L làm đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể yêu cầu ông T trả diện tích đất lấn chiếm là 12,2m² cho bà. Đối với tài sản là công trình nhà của ông T xây dựng trên diện tích đất tranh chấp, do ông T tự tháo dỡ, bà L không hỗ trợ chi phí.

Vào ngày 24/5/2018, bà L có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Hữu T bồi thường thiệt hại do hành vi đào hố ga lấn sang phần móng nhà của bà L gây hậu quả là bức tường nhà bà L bị nứt, số tiền tạm tính là 50.000.000 đồng. Ngày 30/7/2018 bà L có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung về vấn đề bồi thường thiệt hại này.

- *Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn không đồng ý vì:*

+ Do bị đơn có hành vi lấn chiếm diện tích đất 12,2m² của nguyên đơn nên nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần đất đã lấn chiếm.

+ Hiện nay diện tích đất đang tranh chấp giáp ranh với tường nhà của nguyên đơn thì bị đơn đang xây dựng trái phép, làm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp nên hoàn toàn có đủ cơ sở để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp theo Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tại buổi làm việc ngày 28/11/2017 với chấp hành viên thi hành án, ông Võ Hữu T đã có ý kiến đồng ý với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và

Quyết định cưỡng chế thi hành án. Như vậy, ông T đã đồng ý và không có ý kiến đối với hai quyết định trên thì không có cơ sở để xác định nguyên đơn có hành vi ngăn cản việc xây dựng của bị đơn và cũng không có cơ sở yêu cầu nguyên đơn bồi thường.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định trên đất của nguyên đơn chỉ cho bà Đ thuê làm mặt bằng bán quán cơm, còn đất của bị đơn có cho ai thuê không thì nguyên đơn không rõ.

-Theo đơn phản tố và lời khai của bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ông Võ Hữu T là chủ sử dụng đối với diện tích đất 1.168m² thuộc các thửa 306, 307, tờ bản đồ số 11 theo GCNQSDĐ số 104QSDĐ/CQ.TĐH do Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp ngày 26/8/1996.

Vào ngày 13/5/1997, ông T ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Võ Văn T với diện tích 322m²; ngày 29/6/1998, ký chuyển nhượng cho ông Phạm Huy T với diện tích 313,5m², chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L với diện tích 172m². Năm 2012, ông T làm thủ tục đăng ký biến động điều chỉnh lại diện tích đất thực tế đang quản lý, điều chỉnh địa chỉ và tên thông tin cá nhân trong hồ sơ cấp đất của ông T. Trên cơ sở đó ngày 26/3/2013, Ủy ban nhân dân thị xã D đã cấp cho ông Võ Hữu T GCNQSDĐ số CH 06883 đối với thửa đất số 529, tờ bản đồ 11.TD9H1 với diện tích 280,7m²; Giấy chứng nhận số CH 06882 đối với thửa số 460, tờ bản đồ 11.TĐH1 với diện tích 38,6m².

Thực tế từ năm 1997, ông Võ Hữu T có ký chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L và ông T một phần đất; việc chuyển nhượng hoàn tất đã lâu. Tuy nhiên từ năm 2012 cho đến nay, bà Nguyễn Thị L nhiều lần khởi kiện ông Võ Hữu T tại Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương. Cụ thể: Tháng 9/2012; tháng 01/2014; tháng 7/2014 và gần đây nhất là tháng 10/2017. Ba lần khởi kiện trước, trong khi Tòa án đang tiến hành giải quyết thì bà L lại rút đơn, gia đình ông T không hiểu lý do vì sao bà L không đề cho Tòa án giải quyết triệt để vụ án mà cứ rút đơn rồi khởi kiện lại. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thời điểm chuyển nhượng đất cho nguyên đơn thì ông Thới đã bàn giao đủ diện tích 172m², bị đơn không lấn chiếm đất của nguyên đơn, việc nguyên đơn thiết hụt đất so với diện tích cấp giấy chứng nhận không liên quan tới bị đơn. Khi giao đất nguyên đơn đã xây dựng nhà ở ổn định cho đến nay. Từ khi chuyển nhượng đất và giao đất cho bà L và ông T đến nay thì ranh đất ông T xây dựng và sử dụng ổn định đúng ranh đất của mình, ông không lấn chiếm đất của bà L, còn lý do vì sao đất bà L thiếu hụt so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị đơn không biết.

Diện tích đất trống giáp ranh đất giữa nguyên đơn và bị đơn là do ông T để trống ra từ trước tới nay. Vừa qua ông T mới sửa lại nhà vẫn xây trên nền ranh tường nhà cũ. Việc ông T xây như vậy là do thấy bà L thường xuyên khởi kiện tranh chấp, gia đình ông không muốn phiền hà nên đã quyết định tiếp tục để trống phần giáp ranh đó.

Đối với phần đất của ông T thì ông T chỉ hỗ trợ cho ký giấy tờ mua bán để hoàn tất các thủ tục tách thửa ra sổ đất cho ông T, còn việc mua bán do ông T trực tiếp thực hiện với bà L. Vì đất này trước đây vợ chồng ông T đã chuyển nhượng cho bà L (thỏa thuận miệng).

Thời điểm ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất nhiều, khi chuyển nhượng cho ông T và bà L thì ông T vẫn chưa điều chỉnh biến động. Đến năm 2012, khi ông T làm thủ tục vay tiền thì ngân hàng yêu cầu phải điều chỉnh biến động diện tích thực tế còn lại. Mọi thủ tục điều chỉnh biến động do cán bộ các cơ quan chuyên môn hướng dẫn và ông T đã thực hiện việc đăng ký biến động theo đúng trình tự quy định.

Năm 2017, do có nhu cầu xây dựng, sửa chữa nhà ở nên ông T đã làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân thị xã D cấp giấy phép xây dựng số 696/GPXD ngày 16/3/2017. Trong khi gia đình ông T đang tiến hành xây dựng thì bà L lại tiếp tục khởi kiện. Bị đơn thấy rằng đây là hành vi cố tình phá hoại, gây cản trở và gây ra nhiều thiệt hại cho gia đình bị đơn. Việc làm của bà L làm mất uy tín, danh dự của gia đình bị đơn làm cho những người trong gia đình bị đơn bị ảnh hưởng tâm lý rất nặng nề. Trong khi vợ chồng ông Võ Hữu T đã lớn tuổi, sức khỏe kém lại phải sống trong điều kiện tạm bợ tại nhà trọ thuê do bị kéo dài thời gian sửa nhà nên sức khỏe ngày càng yếu hơn. Vì vậy, trong thời gian này ông T phải đi khám bệnh nhiều lần tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương và phải nhập viện. Như vậy, việc nguyên đơn nhiều lần khởi kiện bị đơn đã gây ra tổn thất về tài sản (vật tư hư, công trình bị đình trệ nhiều tháng), sức khỏe, tinh thần của gia đình bị đơn gồm ông T, bà P và các người con ruột của bị đơn là bà T, ông T bị sa sút.

Theo bị đơn phản tố bị đơn yêu cầu nguyên đơn chấm dứt hành vi ngăn cản bị đơn xây dựng nhà. Đồng thời phải bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần tạm tính mỗi khoản là 50.000.000 đồng; tổng cộng hai khoản là 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn xác định hiện tại nhà bị đơn đã xây dựng xong đưa vào sử dụng nên bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố về việc không yêu cầu bà Liên chấm dứt hành vi trái pháp luật ngăn cản việc xây dựng nhà của bị đơn; bị đơn chỉ phản tố yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại với tổng cộng số tiền 235.571.700 đồng; gồm các khoản sau:

1. Chi phí tạm ngừng thi công 12 ngày. Trong đó, có 02 ngày chủ nhật (từ ngày 26/9/2017 đến ngày 07/10/2017) là 41.750.000 đồng, gồm các khoản:

- Chi phí thuê giàn giáo 200.000 đồng/ngày (kể cả ngày chủ nhật): 200.000 đồng x 12 ngày = 2.400.000 đồng;

- Chi phí di chuyển máy móc, công cụ 02 chiều đi và về: 02 chuyến x 2.000.000 đồng/chuyến = 4.000.000 đồng;

- Chi phí lương thợ chính: 350.000 đồng/ngày/người, 07 người/ngày (không tính chủ nhật). Chi trả 70% lương phát sinh: 350.000 x 70% x 7 người x 10 ngày = 17.150.000 đồng.

- Chi phí thợ phụ: 260/ngày/người; 10 người/ngày (không tính chủ nhật) Chi trả 70% lương phát sinh: $260 \times 70\% \times 10 \text{ người} \times 10 \text{ ngày} = 18.200.000 \text{ đồng}$.

2. Chi phí tạm ngừng thi công 14 ngày. Trong đó có 01 ngày chủ nhật (từ ngày 14 đến ngày 24/11/2017) là 37.280.000 đồng, gồm các khoản:

- Chi phí thuê giàn giáo 200.000 đồng/ngày (kể cả ngày chủ nhật): $200.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ ngày} = 2.200.000 \text{ đồng}$;

- Chi phí di chuyển máy móc, công cụ 02 chiều đi và về: $02 \text{ chuyến} \times 2.000.000 \text{ đồng/chuyến} = 4.000.000 \text{ đồng}$;

- Chi phí lương thợ chính: 350.000 đồng/ngày/người, 06 người/ngày (không tính chủ nhật). Chi trả 70% lương phát sinh: $350.000 \times 70\% \times 6 \text{ người} \times 10 \text{ ngày} = 16.380.000 \text{ đồng}$.

3. Chi phí tạm ngừng thi công 27 ngày. Trong đó có 04 ngày chủ nhật (từ ngày 31/12/2017 đến ngày 26/01/2018) là 71.063.000 đồng, gồm các khoản:

- Chi phí thuê dàn giáo 200.000 đồng/ngày (kể cả ngày chủ nhật): $200.000 \text{ đồng} \times 27 \text{ ngày} = 5.400.000 \text{ đồng}$;

- Chi phí di chuyển máy móc, công cụ 02 chiều đi và về: $02 \text{ chuyến} \times 2.000.000 \text{ đồng/chuyến} = 4.000.000 \text{ đồng}$;

- Chi phí lương thợ chính: 350.000 đồng/ngày/người, 05 người/ngày (không tính chủ nhật). Chi trả 70% lương phát sinh: $350.000 \times 70\% \times 5 \text{ người} \times 23 \text{ ngày} = 28.175.000 \text{ đồng}$.

- Chi phí thợ phụ: 260/ngày/người; 08 người/ngày (không tính chủ nhật). Chi trả 70% lương phát sinh: $260 \times 70\% \times 8 \text{ người} \times 23 \text{ ngày} = 33.488.000 \text{ đồng}$.

4. Chi phí thuê nhà ở trong thời gian 03 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/3/2018 là 15.000.000 đồng.

5. Chi phí thất thoát do kéo dài thời gian xây nhà, không cho thuê ki ốt được vì phải sử dụng chứa vật tư 03 tháng với số tiền 15.000.000 đồng.

6. Chi phí ông T nằm viện và khám bệnh lấy thuốc thể hiện qua các hóa đơn ông Thới mua thuốc tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương vào các ngày 09/11/2017, 08/12/2017, 02/01/2018, 08/01/2018, 07/02/2018, 08/3/2018 và 05/4/2018 với tổng cộng số tiền 2.678.700 đồng.

7. Chi phí đi lại khám bệnh của ông T: Đi bằng phương tiện thuê xe taxi từ nhà ông T đến Bệnh Viện Đa khoa tỉnh Bình Dương 04 lần $\times 400.000 \text{ đồng/lần} = 2.800.000 \text{ đồng}$.

8. Bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần cho các thành viên trong gia đình ông Thới gồm: Ông T, bà P, bà T, bà T, ông T với tổng cộng số tiền 50.000.000 đồng.

Đại diện bị đơn xác định ông Võ Hữu T và Võ Hữu T đều là một người và chính là bị đơn đang bị bà Liên khởi kiện. Căn cứ theo GCNQSD đất của bị đơn được cấp ban đầu vào năm 1996 đứng tên là Võ Hữu T. Tuy nhiên, sau đó ông T đã

có đơn đề nghị điều chỉnh biến động về thông tin cá nhân từ tên Võ Hữu T thành Võ Hữu T cho phù hợp với giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu. Đồng thời điều chỉnh về địa chỉ và diện tích đất thực tế sử dụng.

Tại phiên toà, người đại diện của bị đơn xác định nhà đất của ông T hiện nay đang tại Ngân hàng V – Chi nhánh Nam Bình Dương để bảo lãnh cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đồ gỗ T (gọi tắt là Công ty T) do con ông T là bà T làm Giám đốc. Công trình nhà của ông T xây dựng năm 2017 là khoán toàn bộ cho bên nhận thầu do ông Phùng Quân H làm đại diện đơn vị nhận thầu.

Ngoài các chứng cứ đã cung cấp cho Toà án, bị đơn không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình.

- Lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P, bà Võ Phương T, bà Võ Thị Thanh T, ông Võ Hữu T, ông Bùi Văn T trình bày:

Ông T là chồng của bà P, vợ chồng ông T có 03 người con gồm: Bà T, bà T, ông T; còn ông T là chồng bà T và họ đang sinh sống tại địa chỉ nhà ông T. Vợ và các con ông T không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu khởi kiện của bà L; đối với yêu cầu phản tố của bị đơn họ thống nhất.

Tại phiên toà bà T, bà T và ông T xác định thống nhất toàn bộ trình bày của đại diện bị đơn về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cả ba người đều cho rằng việc bà L khởi kiện ông T làm cho cả gia đình ông T thiệt hại nên nguyên đơn có trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu phản tố của bị đơn. Chứng minh cho việc bà T, bà T, ông T bị thiệt hại tổn thất tinh thần đó là việc bà L khởi kiện làm họ phải lo nghĩ; ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần và đôi khi phải nghỉ làm dẫn đến mất thu nhập. Tuy nhiên tại phiên toà, cả ba người đều xác định không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho sự thiệt hại như đã trình bày. Thực tế hiện nay bà T, ông T còn chung hộ khẩu với ông T nhưng họ sống ở nơi khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng T do ông Nguyễn Quang B và ông Bùi Đức L trình bày:

Ngân hàng T - Chi nhánh Nam Bình Dương (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có cho Công ty Đồ gỗ T (gọi tắt là Công ty) vay tiền theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Ngày 11/11/2016, ký Hợp đồng tín dụng số 08/HĐ-TA/2016, hạn mức tín dụng là 2.600.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Hình thức đảm bảo khoản vay trên là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại số A, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 609792 của ông Bùi Văn T và bà Võ Thị Phương T với diện tích là 317,5m², đất tọa lạc tại phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07/TC-TA/2016 ngày 11/11/2016.

+ Ngày 29/11/2017, ký Hợp đồng tín dụng số 08/727/HDK/2017, hạn mức tín dụng là 8.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Hình thức đảm bảo khoản vay trên gồm: Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07/TC-TA/2016 ngày 11/11/2016 ký kết giữa Ngân

hàng và bà Võ Thị Phương T cùng ông Bùi Văn T; quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 064/TC-BĐS.KHBL/2017 ngày 28/8/2017 ký kết giữa ngân hàng và ông Võ Hữu T cùng bà Nguyễn Thị P.

Quá trình vay tiền Công ty thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ từ khi vay cho đến nay. Hiện tại Công ty còn nợ khoản tiền tính đến ngày 22/8/2018 là 7.900.000.000 đồng. Vì vậy, ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản vay của Công ty. Trường hợp sau này nếu có phát sinh tranh chấp liên quan đến hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp thì ngân hàng sẽ khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

Nay nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp quyền sử dụng đất, bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn thì phía ngân hàng xác định không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đồ gỗ T, do bà Võ Phương T đại diện trình bày:* Thống nhất toàn bộ trình bày của ngân hàng về việc vay tiền và thế chấp tài sản; số tiền vay; số tiền trả và số tiền còn nợ theo Biên bản ý kiến ngày 22/8/2018 của đại diện ngân hàng. Quá trình vay, Công ty vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn ông Võ Hữu T đối với diện tích 12,2m² và yêu cầu phản tố của bị đơn thì Công ty không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Công ty xác định không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:* Bà Đ xác định bà có thuê của bà Nguyễn Thị L diện tích đất khoảng 35m² để làm mặt bằng bán quán cơm. Hai bên có lập hợp đồng tự ký với nhau vào ngày 26/3/2016 nhưng không công chứng, chứng thực. Thời hạn thuê 01 năm với giá thuê 3.500.000 đồng/tháng. Sau khi hết hạn thuê hai bên tiếp tục thỏa thuận miệng gia hạn thêm 02 năm. Hàng tháng bà Đ trả tiền thuê cho bà L đầy đủ. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L và yêu cầu phản tố của ông T thì bà Đ không có ý kiến gì. Đồng thời bà Đ cũng không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án. Bà Đ xác định chỉ thuê mặt bằng của bà L, khi nào bà L chấm dứt không cho bà thuê nữa thì bà sẽ trả lại mặt bằng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã D (UBND), tỉnh Bình Dương trình bày:* Theo nội dung Công văn số 2310/UBND-NC ngày 29/8/2018 của UBND về việc đề nghị xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, ngoài ra không có ý kiến gì.

- *Người làm chứng ông Nguyễn Ngọc T trình bày:* Ông T là con rể của ông Phạm Huy T. Năm 1997, ông T có nhận chuyển nhượng của bà L diện tích đất 313,5m², thuộc thửa số 306, 307; tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại ấp Đ, xã T (cũ). Đất nhận chuyển nhượng có tứ cận: Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị L dài 46m; Nam giáp đất ông Võ Văn T dài 20,4-23m; Đông giáp đất ông Võ Hữu T dài 9,5m; Tây giáp đường nhà máy xe lửa. Việc xác định tứ cận ranh đất có ông T, ông T và bà L ký

xác nhận. Năm 1998, ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm các bên chuyển nhượng đất, ông T đều có mặt và chứng kiến giao dịch. Thực tế ông T giao dịch nhận chuyển nhượng đất với bà L nhưng do đất này ông T vẫn đứng tên chủ sử dụng nên ông T trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng đất để ông T làm thủ tục nộp hồ sơ xin cấp quyền sử dụng đất. Đất ông T đã sử dụng ổn định, hiện trạng hình thể đất giáp ranh đất bà L không thay đổi, không có biến động và cũng không tranh chấp khiếu nại gì. Nay ông T chết, vợ chồng ông T đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

- *Người làm chứng bà Võ Thị T trình bày:* Bà T cho gia đình ông T thuê nhà trọ từ tháng 01/2018 đến nay. Giá thuê mỗi tháng 5.000.000 đồng, chưa bao gồm điện nước. Bà T và gia đình ông T chỉ là người cho thuê và người thuê trọ nên đề nghị không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án.

- *Người làm chứng ông Phùng Quân Hùng trình bày:* Ông H là người đại diện cho đơn vị nhận thầu xây dựng công trình nhà ở của ông Võ Hữu T. Ông H xác nhận trong quá trình thi công nhà cho ông T nhiều lần bị ngưng thi công cụ thể:

Lần 1: Từ ngày 26/9/2019 đến ngày 07/10/2017 theo biên bản của Tổ trật tự đô thị - UBND phường D ngày 26/9/2017.

Lần 2: Từ ngày 14/11/2017 đến ngày 24/11/2017 theo Quyết định số 24/QĐ-BPKCTT do Tòa án nhân dân thị xã D ký ngày 14/11/2017.

Lần 3: Từ ngày 13/12/2017 đến ngày 26/01/2008 do ảnh hưởng của Quyết định số 24/QĐ-BPKCTT do Tòa án nhân dân thị xã D ký ngày 14/11/2017.

Việc ngưng thi công làm ảnh hưởng lớn đến thời gian hoàn thành công trình. Theo như Hợp đồng đã ký ngày 05/9/2017 với ông T thì thời gian hoàn thành là 04 tháng từ ngày ký hợp đồng. Như vậy, công trình bị chậm hết hơn 05 tháng nên làm phát sinh nhiều chi phí: Nhân công, chi phí vận chuyển di dời máy móc, kéo dài thời gian thuê giàn giáo cốt pha... và nhiều thiệt hại khác. Giữa ông H và ông T chỉ là mối quan hệ nhận thầu và giao thầu nên đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với diện tích 12,2m² đối với ông Võ Hữu T.

3. Đình chỉ một yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Hữu T đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu nguyên đơn chấm dứt hành vi trái pháp luật ngăn cản bị đơn xây dựng nhà.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Hữu T đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với số tiền 235.571.700 đồng (hai trăm ba mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/11/2018 và ngày 14/12/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Võ Hữu T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tại giai đoạn cấp phúc thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Võ Hữu T kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Võ Hữu T còn trong hạn luật định nên kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Võ Hữu T có căn cứ để xem xét.

+ Qua xem xét hồ sơ vụ án và trực tiếp kiểm sát tại phiên tòa, nhận thấy: Nguyên đơn khởi kiện về việc khởi kiện yêu cầu ông T trả diện tích đất lấn chiếm là 12,2m². Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đậu Đức N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 235.571.700 đồng với lý do hành vi khởi kiện của nguyên đơn nhiều lần đã gây thiệt hại về vật chất và tinh thần cho bị đơn, do kéo dài thời gian xây dựng nhà làm phát sinh nhiều khoản chi phí phải trả thêm cho bên nhận thầu, chi phí thuê nhà trọ, chi phí thiếu hụt do không cho thuê ki ốt được và thiệt hại tinh thần cho gia đình ông T do suy nghĩ việc bị nguyên đơn khởi kiện ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần cho gia đình ông T. Căn cứ vào bản Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05 ngày 05/9/2017 được ký kết giữa ông T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn K thì hai bên thỏa thuận bên thầu chịu trách nhiệm thi công toàn bộ công trình, nếu có chi phí phát sinh từ việc công trình bị tạm ngưng thì bên thầu là người bị thiệt hại nhưng bên thầu không có yêu cầu gì trong vụ án và cũng không buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán lại chi phí phát sinh do công trình bị tạm ngưng. Đồng thời, bị đơn cho rằng vì tham gia vụ kiện nên bị đơn và gia đình bị tổn thất về tinh thần nhưng bị đơn không có chứng cứ để chứng minh. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Đ, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đồ gỗ T và người làm chứng ông Phùng Quân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P; bà Võ Phương T; ông Bùi Văn T; Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương; Ngân hàng T và những người làm chứng ông Nguyễn Ngọc T, bà Võ Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo, thì quá trình giải quyết vụ án bà L có ủy quyền cho ông Đậu Đức N, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Số A, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 22/11/2017 và ngày 31/7/2018). Tuy nhiên, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên coi như nguyên đơn từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T trả diện tích đất lấn chiếm là 12,2m² và yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 50.000.000 đồng do hành vi đào hố ga lấn sang phần đất móng nhà của bà L gây hậu quả là bức tường nhà bà L bị nứt. Tuy nhiên ngày 30/7/2018, bà L có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung về vấn đề bồi thường thiệt hại này.

Bị đơn ông Võ Hữu T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu phản tố: Yêu cầu nguyên đơn chấm dứt hành vi ngăn cản bị đơn xây dựng nhà. Đồng thời, phải bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần tạm tính mỗi khoản là 50.000.000 đồng; tổng cộng hai khoản là 100.000.000 đồng. Sau đó, người đại diện của nguyên đơn xác định hiện tại nhà bị đơn đã xây dựng xong đưa vào sử dụng nên bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố về việc không yêu cầu bà L chấm dứt hành vi trái pháp luật ngăn cản việc xây dựng nhà của bị đơn. Bị đơn chỉ phản tố yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại với tổng cộng số tiền 235.571.700 đồng.

Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung về vấn đề bồi thường thiệt hại và bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố về việc không yêu cầu bà Liên chấm dứt hành vi trái pháp luật ngăn cản việc xây dựng nhà của bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn và bị đơn đã rút là đúng với quy định pháp luật.

[3] Xét ý kiến của các bên đương sự, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng: Yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Hữu T là yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại với tổng cộng số tiền 235.571.700 đồng. Vì bị đơn cho rằng việc nguyên đơn khởi kiện nhiều năm làm thiệt hại vật chất và tinh thần cho bị đơn; bao gồm các khoản như sau:

1. Chi phí tạm ngừng thi công 12 ngày. Trong đó, có 02 ngày chủ nhật (từ ngày 26/9/2017 đến ngày 07/10/2017) là 41.750.000 đồng, gồm các khoản:

- Chi phí thuê giàn giáo 200.000 đồng/ngày (kể cả ngày chủ nhật): $200.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ ngày} = 2.400.000 \text{ đồng}$;

- Chi phí di chuyển máy móc, công cụ 02 chiều đi và về: $02 \text{ chuyến} \times 2.000.000 \text{ đồng/chuyến} = 4.000.000 \text{ đồng}$;

- Chi phí lương thợ chính: 350.000 đồng/ngày/người, 07 người/ngày (không tính chủ nhật). Chi trả 70% lương phát sinh: $350.000 \times 70\% \times 7 \text{ người} \times 10 \text{ ngày} = 17.150.000 \text{ đồng}$.

- Chi phí thợ phụ: 260/ngày/người; 10 người/ngày (không tính chủ nhật) Chi trả 70% lương phát sinh: $260 \times 70\% \times 10 \text{ người} \times 10 \text{ ngày} = 18.200.000 \text{ đồng}$.

2. Chi phí tạm ngừng thi công 14 ngày. Trong đó có 01 ngày chủ nhật (từ ngày 14 đến ngày 24/11/2017) là 37.280.000 đồng, gồm các khoản:

- Chi phí thuê giàn giáo 200.000 đồng/ngày (kể cả ngày chủ nhật): $200.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ ngày} = 2.200.000 \text{ đồng}$;

- Chi phí di chuyển máy móc, công cụ 02 chiều đi và về: $02 \text{ chuyến} \times 2.000.000 \text{ đồng/chuyến} = 4.000.000 \text{ đồng}$;

- Chi phí lương thợ chính: 350.000 đồng/ngày/người, 06 người/ngày (không tính chủ nhật). Chi trả 70% lương phát sinh: $350.000 \times 70\% \times 6 \text{ người} \times 10 \text{ ngày} = 16.380.000 \text{ đồng}$.

3. Chi phí tạm ngừng thi công 27 ngày. Trong đó có 04 ngày chủ nhật (từ ngày 31/12/2017 đến ngày 26/01/2018) là 71.063.000 đồng, gồm các khoản:

- Chi phí thuê dàn giáo 200.000 đồng/ngày (kể cả ngày chủ nhật): $200.000 \text{ đồng} \times 27 \text{ ngày} = 5.400.000 \text{ đồng}$;

- Chi phí di chuyển máy móc, công cụ 02 chiều đi và về: $02 \text{ chuyến} \times 2.000.000 \text{ đồng/chuyến} = 4.000.000 \text{ đồng}$;

- Chi phí lương thợ chính: 350.000 đồng/ngày/người, 05 người/ngày (không tính chủ nhật). Chi trả 70% lương phát sinh: $350.000 \times 70\% \times 5 \text{ người} \times 23 \text{ ngày} = 28.175.000 \text{ đồng}$.

- Chi phí thợ phụ: 260/ngày/người; 08 người/ngày (không tính chủ nhật). Chi trả 70% lương phát sinh: $260 \times 70\% \times 8 \text{ người} \times 23 \text{ ngày} = 33.488.000 \text{ đồng}$.

4. Chi phí thuê nhà ở trong thời gian 03 tháng, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/3/2018 là 15.000.000 đồng.

5. Chi phí thất thoát do kéo dài thời gian xây nhà, không cho thuê ki ốt được vì phải sử dụng chứa vật tư 03 tháng với số tiền 15.000.000 đồng.

6. Chi phí ông T nằm viện và khám bệnh lấy thuốc thể hiện qua các hóa đơn ông T mua thuốc tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương vào các ngày 09/11/2017, 08/12/2017, 02/01/2018, 08/01/2018, 07/02/2018, 08/3/2018 và 05/4/2018 với tổng cộng số tiền 2.678.700 đồng.

7. Chi phí đi lại khám bệnh của ông T: Đi bằng phương tiện thuê xe taxi từ nhà ông T đến Bệnh Viện Đa khoa tỉnh Bình Dương 04 lần x 400.000 đồng/lần = 2.800.000 đồng.

8. Bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần cho các thành viên trong gia đình ông T gồm: Ông T, bà P, bà T, bà T, ông T với tổng cộng số tiền 50.000.000 đồng.

Xét thấy, yêu cầu của bị đơn buộc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại cho bị đơn với số tiền chi phí do tạm ngừng thi công 150.093.000 đồng; chi phí bị đơn phải thuê nhà ở 15.000.000 đồng; chi phí thất thoát do không cho thuê ki ốt 15.000.000 đồng.

Bị đơn cung cấp chứng cứ cho yêu cầu này là Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 05 ngày 05/9/2017 được ký kết giữa ông T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn K với nội dung: Hai bên thỏa thuận hình thức hợp đồng là đơn giá cố định với tổng giá trị là 466.358.400 đồng, đơn giá này không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng; trường hợp có phát sinh khối lượng công việc thì hai bên tính toán, thỏa thuận và ký phụ lục bổ sung hợp đồng. Đồng thời bị đơn cũng thừa nhận công trình nhà của bị đơn giao cho bên nhận thầu bằng hình thức khoán toàn bộ vật liệu và nhân công.

Về yêu cầu yêu cầu của bị đơn buộc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần cho bị đơn với số tiền 55.478.700 đồng bao gồm: Chi phí ông T nằm viện và khám bệnh lấy thuốc, chứng cứ là các hóa đơn ông T mua thuốc tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương vào ngày 09/11/2017, ngày 08/12/2017, ngày 02/01/2018, ngày 08/01/2018, ngày 07/02/2018, ngày 08/3/2018 và ngày 05/4/2018 số tiền 2.678.700 đồng; chi phí ông T thuê xe taxi chở đi khám bệnh tại Bệnh Viện Đa khoa tỉnh Bình Dương 04 lần x 400.000 đồng/lần = 2.800.000 đồng và thiệt hại tinh thần với số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, những khoản bồi thường này thì bị đơn có cung cấp Giấy ra viện ngày 02/01/2018 thể hiện ông T được chẩn đoán bị bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính khác để chứng minh có sự việc bị đơn bị bệnh là do nguyên đơn khởi kiện nhiều lần. Ngoài ra, bị đơn còn phải bị tổn thất về mặt tinh thần nhưng Giấy ra viện ngày 02/01/2018 với việc chẩn đoán ông T bị bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính khác. Căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là phải có thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp xảy ra; có hành vi gây thiệt hại trái pháp luật; có lỗi cố ý hoặc vô ý của người gây thiệt hại và phải có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại xảy ra nên yêu cầu phản tố của bị đơn buộc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại cho bị đơn với số tiền 235.571.700 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử hoàn toàn có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Hữu T là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Võ Hữu T phải nộp theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông Võ Hữu T là người cao tuổi. Căn cứ quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông T được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 166, 203 của Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ Điều 255, Điều 584, 585, 589, 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 148, Điều 296, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Hữu T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng theo Biên lai thu số 0020482 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Võ Hữu T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã D;
- TAND thị xã D;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Bích Diệp